

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

**Kết thúc ngày 30/06/2016**

**Được soát xét bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K**



## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	01 – 03
2	<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	04 – 05
3	<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	
	- Báo cáo thu nhập toàn diện	06 – 07
	- Báo cáo tình hình tài chính	08 – 11
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 14
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	16 – 36

*Handwritten signature and initials in blue ink.*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty.

#### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 tháng 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

**Các thành viên Hội đồng quản trị:**

Ông Shim Geepeel	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Jin Woo Hyun	Ủy viên
Ông Lee Yun Ki	Ủy viên

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc

16/07/2016

21  
CỔ  
CƠ  
HỨNG  
WO  
1/1

✓  
TM

## **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Do kỳ vọng của Công ty về việc đầu tư hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Vì vậy, Công ty đã đầu tư cho các tài sản nêu trên với giá trị khoảng 35 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, việc mua sắm và đầu tư này thuộc thẩm quyền của mình và nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng phần mềm chạy chỉ số với giá trị 3,2 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch nào khác có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho kỳ kế toán này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV**

**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

TY  
AN  
HO  
CB

*Handwritten signature*



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
**THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY**

Địa chỉ: Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com  
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 131.1 /BCKT - TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, khoản công nợ tồn đọng ghi cho ông Nguyễn Đức Tùng với số tiền 2.419.974.198 VND như đã nêu tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 129.1/2015/BCKT-TC ngày 30/03/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty vẫn chưa được tính và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành và chờ phán quyết của cơ quan có thẩm quyền.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, thu nhập

Vân  
12

toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1

Handwritten signature and initials in blue ink at the bottom right corner.

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**  
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01 – 30/06	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>7.45</b>		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.288.600.095	1.412.570.300
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>116.874.895</i>	<i>0</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.3</i>		<i>1.171.725.200</i>	<i>1.412.570.300</i>
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	4		542.000.000	25.128.739
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	6		157.602.877	220.671.256
1.8. Doanh thu tư vấn	8		0	4.699.537.500
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		18.656.214	674.453
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>2.006.859.186</b>	<b>6.358.582.248</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>7.47</b>		
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		122.397.489	63.672.845
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>122.397.489</i>	<i>63.672.845</i>
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		630.306.972	104.621.211
2.9. Chi phí tư vấn	29		3.295.600	0
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31		33.841.923	39.433.881
2.12. Chi phí khác	32		(1.742.821.988)	5.238.766.060
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>(952.980.004)</b>	<b>5.446.493.997</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>7.46</b>		
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		580.292.870	466.525.875
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>580.292.870</b>	<b>466.525.875</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		<b>7.48</b>		
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>	<b>7.49</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>7.50</b>	<b>3.524.517.823</b>	<b>1.256.153.868</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>15.614.237</b>	<b>122.460.258</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	7.51	15.577.215	21.108.213
8.2. Chi phí khác	72	7.52	3.321.007	32.157.177
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>12.256.208</b>	<b>(11.048.964)</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>27.870.445</b>	<b>111.411.294</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		27.870.445	111.411.294
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>7.53</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>27.870.445</b>	<b>111.411.294</b>

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

**Người lập**



**NGUYỄN THỊ THU**

**Kế toán trưởng**



**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Tổng Giám đốc**



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>97.466.745.859</b>	<b>99.992.388.956</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>94.970.889.083</b>	<b>97.594.954.116</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	16.626.078.008	17.011.378.261
1.1. Tiền	111.1		15.811.078.008	14.201.378.261
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		815.000.000	2.810.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	29.854.200.193	31.887.422.787
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.3	16.520.000.000	13.570.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	3.016.004.992	83.876.935
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7.3.2	18.024.000.000	18.000.000.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3.6	(4.033.955.117)	(5.776.790.305)
7. Các khoản phải thu	117		111.028.264	0
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.5.2	111.028.264	0
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		111.028.264	0
8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118		97.898.013	97.898.013
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.5.5	4.070.743.631	4.070.743.631
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	12.470.556.312	20.436.090.007
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(1.785.665.213)	(1.785.665.213)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>2.495.856.776</b>	<b>2.397.434.840</b>
1. Tạm ứng	131		2.010.000.777	2.296.826.490
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.21.1	404.207.404	18.959.755
5. Tài sản ngắn hạn khác	135		81.648.595	81.648.595
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.827.831.652</b>	<b>38.479.747.138</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>85.500.000</b>	<b>85.500.000</b>
2. Các khoản đầu tư	212		85.500.000	85.500.000
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		85.500.000	85.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.381.977.209</b>	<b>20.029.720.161</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.18	2.265.448.265	2.413.066.313
- Nguyên giá	222		5.504.928.944	5.504.928.944
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.239.480.679)	(3.091.862.631)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.19	20.116.528.944	17.616.653.848
- Nguyên giá	228		27.186.576.214	23.986.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7.070.047.270)	(6.369.922.366)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>16.517.852.639</b>	<b>16.517.852.639</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>1.842.501.804</b>	<b>1.846.674.338</b>

*(Handwritten signatures and initials)*

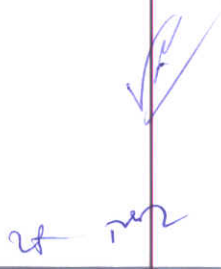
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		289.643.771	289.643.771
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.21.2	608.511.232	612.683.766
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.22	944.346.801	944.346.801
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>138.294.577.511</b>	<b>138.472.136.094</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.996.331.067</b>	<b>3.201.760.095</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.996.331.067</b>	<b>3.201.760.095</b>
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.9	108.000.000	774.956
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.15	295.367.292	476.821.902
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		207.296.271	207.296.271
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.11	23.172.928	246.213.687
11. Phải trả người lao động	323		247.975.735	(13.798.526)
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		(172.992.599)	(7.972.456)
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	93.584.160	320.775.345
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.16	2.193.927.280	1.971.648.916
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>135.298.246.444</b>	<b>135.270.375.999</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>135.298.246.444</b>	<b>135.270.375.999</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		113.649.448	113.649.448
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		113.649.448	113.649.448
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.24	70.947.548	43.077.103
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		70.947.548	43.077.103
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>430</b>		<b>135.298.246.444</b>	<b>135.270.375.999</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>138.294.577.511</b>	<b>138.472.136.094</b>
<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>450</b>			
1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451		0	0



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
6. Cổ phiếu đang lưu hành (ĐVT: cổ phiếu)	006		13.500.000	13.500.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.27	7.886.230.000	8.130.230.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>7.866.230.000</i>	<i>8.120.230.000</i>
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>008.5</i>		<i>20.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.31	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Đơn vị tính: VND				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (ĐVT: cổ phiếu)	021	7.34	11.651.137	12.805.495
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>11.494.517</i>	<i>12.762.038</i>
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>156.620</i>	<i>43.457</i>
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (ĐVT: cổ phiếu)	023	7.36	149.060	16.380
6. Tiền gửi của khách hàng	026	7.39	8.117.183.329	7.378.104.264
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		8.095.349.765	6.911.710.337
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>027.1</i>		<i>8.083.044.292</i>	<i>6.909.898.664</i>
<i>b. Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý</i>	<i>027.2</i>		<i>12.305.473</i>	<i>1.811.673</i>
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			1.549.253	1.540.800
6.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	028		20.284.311	20.177.356
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>028.1</i>		<i>18.277.893</i>	<i>18.179.089</i>
<i>b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>028.2</i>		<i>2.006.418</i>	<i>1.998.267</i>
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	29	7.40	0	444.675.771
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		8.049.471.074	6.787.927.233
<i>7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.1</i>		<i>7.819.831.011</i>	<i>6.406.477.215</i>
<i>7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.2</i>		<i>229.640.063</i>	<i>381.450.018</i>
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031	7.41	11.060.769	566.969

*[Handwritten signatures and initials]*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016*

8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	031.1		11.060.769	566.969
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	7.10	25.143.095	114.156.405

**Người lập**

**NGUYỄN THỊ THU**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Tổng Giám đốc**



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01 – 30/06	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		27.870.445	111.411.294
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao TSCĐ	03		847.742.952	795.565.732
- Các khoản dự phòng	04		0	1.799.822.305
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(608.266.300)	39.905.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		(1.713.725.200)	(1.818.105.148)
- Dự thu tiền lãi	08		(111.028.264)	0
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10			
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	20			
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	27		(1.742.835.188)	0
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30			
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		2.033.222.594	0
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(2.950.000.000)	0
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(2.932.128.057)	0
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(24.000.000)	0
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42			
- (+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	47		8.252.359.408	(108.251.710)
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	48		(181.454.610)	54.960.946.243
- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(223.040.759)	0
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	51		426.257.526	(858.161.303)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53		0	16.127.772.845
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		0	(48.621.108.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>1.100.974.547</b>	<b>22.429.797.766</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(3.200.000.000)	(63.360.000)
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		0	(18.000.000.000)
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	65		1.713.725.200	1.879.096.175

*Handwritten signature/initials*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>70</b>		<b>(1.486.274.800)</b>	<b>(16.184.263.825)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>80</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>(385.300.253)</b>	<b>6.245.533.941</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>17.011.378.261</b>	<b>17.501.506.390</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		17.011.378.261	17.501.506.390
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>16.626.078.008</b>	<b>23.747.040.331</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		16.626.078.008	23.747.040.331

✓  
2016/06/30

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016****PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01 – 30/06	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		34.141.295.000	61.309.654.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(40.747.989.700)	(58.271.197.800)
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09		7.345.773.765	(3.187.424.051)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>739.079.065</b>	<b>(148.967.051)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>7.378.104.264</b>	<b>6.291.823.178</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		7.378.104.264	6.291.823.178
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		6.909.898.664	5.902.590.195
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	33		1.811.673	1.911.673
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		1.540.800	1.677.060
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		20.177.356	18.624.484
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	36		444.675.771	367.019.766
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>8.117.183.329</b>	<b>6.142.856.127</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		8.117.183.329	6.142.856.127
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		8.083.044.292	4.688.985.209
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	43		12.305.473	1.811.673
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44		1.549.253	1.533.847
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45		20.284.311	19.708.037
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	46		0	1.430.817.361

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu			Số tăng/ giảm			Số dư cuối	
		Tại 01/01/2015		Tại 01/01/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2016		Tại 30/06/2015		Tại 30/06/2016
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
8. Lợi nhuận chưa phân phối		1.024.173.157	43.077.103	111.411.294	0	27.870.445	0	1.135.584.451	70.947.548
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.024.173.157	43.077.103	111.411.294	0	27.870.445	0	1.135.584.451	70.947.548
<b>Cộng</b>		<b>136.251.472.053</b>	<b>135.270.375.999</b>	<b>111.411.294</b>	<b>0</b>	<b>27.870.445</b>	<b>0</b>	<b>136.362.883.347</b>	<b>135.298.246.444</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
<b>Cộng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Người lập

NGUYỄN THỊ THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**1.2. Địa chỉ liên hệ:** Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**1.3. Điều lệ hoạt động CTCK:** Ban hành ngày 20/08/2006.

#### **1.4. Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính.

#### **1.5. Quy mô vốn**

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	66.150.000.000	49%
2	Bà Võ Thị Hồng Vân	8.500.000.000	6%
3	Ông Vũ Đức Nghĩa	7.000.000.000	5%
4	Các cá nhân khác	53.350.000.000	40%
	<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>100%</b>

TỶ  
V  
ĐÁ  
JY  
P.H

*(Handwritten signature and initials)*

**1.6. Hạn chế đầu tư và cho vay:** thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

### **2.1. Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

#### **4.1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, Tiền gửi của Tổ chức phát hành, Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

*(Handwritten signature and initials)*

**4.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các tài sản tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.2. Nguyên tắc ghi nhận các tài sản tài chính:**

**4.2.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

**4.2.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà công ty chứng khoán có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn phải được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này.

**4.2.3. Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm:

- + Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

Các khoản cho vay được Công ty thực hiện phân loại theo hai phương pháp: định tính và định lượng theo 05 nhóm theo quy định, như sau:

- + Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn thực hiện cam kết vay;
- + Nhóm 2: Nợ cần chú ý;
- + Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn;
- + Nhóm 4: Nợ nghi ngờ;
- + Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn.

Công ty có quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền cho vay, chính sách dự phòng rủi ro.

Khi phát sinh rủi ro cho vay là tổn thất có khả năng xảy ra nếu khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các cam kết vay thì Công ty thực hiện lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra. Mức trích lập cụ thể được thực hiện theo quy định của Thông tư số 210/2014.

**4.2.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:**

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán, được công ty chứng khoán đầu tư nhưng không có mục tiêu ngắn hạn và kể cả dài hạn cũng chưa xác định được.

Xác định giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (bao gồm cả các công cụ phái sinh) theo giá trị hợp ký mà không được giảm trừ cho bất kỳ khoản chi phí giao dịch nào có thể phát sinh trong quá trình bán và thanh lý các tài sản này, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy (những tài sản này phản ánh theo giá gốc).

**4.2.5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:**

a, Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

b, Cuối niên độ kế toán, khi giá trị của tài sản nhận thế chấp (tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý) bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay thì lập dự phòng giảm giá tài sản thế chấp.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá các tài} \\ \text{sản tài chính} \\ \text{nhận thế chấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản cho vay tính} \\ \text{theo giá trị trường hoặc giá trị} \\ \text{hợp lý theo cam kết tại Hợp} \\ \text{đồng vay có tài sản thế chấp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản thuần của tài} \\ \text{sản nhận thế chấp tính theo} \\ \text{giá trị thị trường hoặc giá} \\ \text{trị hợp lý} \end{array}$$

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

**4.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:**

**Phải thu bán các tài sản tài chính bao gồm:** phải thu về bán, thu hồi khi đáo hạn khoặc thanh lý các tài sản tài chính; giá trị khớp lệnh bán các tài sản tài chính; thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư...

**Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp bao gồm:** các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác về phí môi giới, phí tư vấn, phí lưu ký, phí bảo lãnh và các loại phí của các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp.

**4.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ khó đòi được xác định như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

**4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:* Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:* Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 20 năm

**4.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thuê nhà.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

***Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.***

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

***Phải trả tổ chức phát hành***

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

CỔ ĐÔNG HỮU WOORI CBV KIỂM TRA

*(Handwritten signature and initials)*

***Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán***

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

**4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

**4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

**4.8.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

**4.8.2. Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:** được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

**4.8.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:** là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

**4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

**4.9.1. Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh**

**Thu nhập bán các tài sản tài chính:** được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra

**Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:** Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

**4.9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

*(Handwritten signatures and initials in blue ink)*

**Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán:** Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

**Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh:** Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

**Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành:** Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

**Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán:** là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

**Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán:** là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

**Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:** là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

**Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính:** là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

**4.9.3. Doanh thu hoạt động tài chính** gồm các loại sau:

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý CTCK.**

**4.10.1. Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh:** bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

**4.10.2. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:** phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

**4.10.3. Chi phí hoạt động tài chính** bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**4.10.4. Chi phí quản lý CTCK:** phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

**4.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

*(Handwritten signature and initials)*



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **4.12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

### **5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK**

#### **5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **5.2. Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

##### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

##### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### ***Đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### **5.3. Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

*Handwritten signatures and stamps on the right margin.*

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**5.4. Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**5.5. Rủi ro tiền tệ:**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

**5.6. Các rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng ( hoặc giảm ) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng ( hoặc giảm ) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

**6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK**

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.

*(Handwritten signatures and stamps)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH****A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

**A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Tiền mặt tại quỹ	2.658.879.509	273.678.574
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	13.147.752.517	13.923.321.138
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	4.445.982	4.378.549
- Tiền gửi có kỳ hạn	815.000.000	2.810.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.626.078.008</b>	<b>17.011.378.261</b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện 06 tháng đầu năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>a. Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>37.400</b>	<b>764.100</b>	<b>2.123.700.000</b>	<b>31.169.208.000</b>
- Cổ phiếu	37.400	764.100	2.123.700.000	31.169.208.000
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
<b>b. Cửa nhà đầu tư</b>	<b>6.318.502</b>	<b>7.598.041</b>	<b>81.068.966.000</b>	<b>102.796.157.100</b>
- Cổ phiếu	6.318.502	7.598.041	81.068.966.000	102.796.157.100
- Trái phiếu	0	0	0	0
- Chứng khoán khác	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.355.902</b>	<b>8.362.141</b>	<b>83.192.666.000</b>	<b>133.965.365.100</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính****7.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu niêm yết	29.854.200.193	26.544.326.867	31.887.422.787	26.213.955.870
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
- Công cụ thị trường tiền tệ	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>29.854.200.193</b>	<b>26.544.326.867</b>	<b>31.887.422.787</b>	<b>26.213.955.870</b>

**7.3.2. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản AFS	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu chưa niêm yết	18.024.000.000	18.024.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>18.024.000.000</b>	<b>18.024.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**


Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016****7.3.3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Tài sản AFS	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0
- Trái phiếu niêm yết	0	0
- Công cụ thị trường tiền tệ	16.520.000.000	13.570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.520.000.000</b>	<b>13.570.000.000</b>

**7.3.4. Các khoản cho vay và phải thu**

Khoản cho vay và phải thu	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	3.016.004.992	3.016.004.992	83.876.935	83.876.935
<b>Cộng</b>	<b>3.016.004.992</b>	<b>3.016.004.992</b>	<b>83.876.935</b>	<b>83.876.935</b>

  
 men  
 et

33  
 PHÁ  
 KH  
 RI C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

**7.3.6. Về tình hình lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính:**

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC		
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>	<b>786.623</b>	<b>29.854.200.193</b>	<b>26.544.326.867</b>	<b>5.776.790.305</b>	<b>(1.742.835.187)</b>
<i>1</i>	<i>Cổ phiếu NY</i>	<i>786.623</i>	<i>29.854.200.193</i>	<i>26.544.326.867</i>	<i>5.776.790.305</i>	<i>(1.742.835.187)</i>
-	VNM	12.005	1.488.513.428	1.692.705.000	0	0
-	GAS	90.980	5.600.399.780	5.686.250.000	0	(2.585.844.000)
-	CNG	33.300	1.074.800.000	1.365.300.000	0	(29.180.000)
-	DPM	586.820	20.026.969.117	16.254.914.000	3.772.055.117	720.988.813
-	TCM	27.000	942.300.000	680.400.000	261.900.000	151.200.000
-	FMC	36.000	709.660.000	853.200.000	0	0
-	CP lẻ khác	518	11.557.867	11.557.867	0	0
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu CNY</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	<b>0</b>	<b>16.520.000.000</b>	<b>16.520.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Công cụ thị trường tiền tệ		16.520.000.000	16.520.000.000	0	0
<b>III.</b>	<b>TSTC cho vay</b>		<b>3.016.004.992</b>	<b>3.016.004.992</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng		3.016.004.992	3.016.004.992	0	0
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	<b>360.000</b>	<b>18.024.000.000</b>	<b>18.024.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Công ty CP XNK Điện tử Việt	360.000	18.024.000.000	18.024.000.000	0	0
	<b>TỔNG TSTC</b>	<b>1.146.623</b>	<b>67.414.205.185</b>	<b>64.104.331.859</b>	<b>4.033.955.117</b>	<b>(1.742.835.187)</b>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten notes in red and black ink]*

*[Handwritten initials]*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016****A.7.5. Các khoản phải thu****7.5.2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

- Dự thu lãi tiền gửi kỳ hạn

**Cộng***Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi***7.5.4. Các khoản cho vay**

- Phải thu Ứng trước tiền bán chứng khoán

**Cộng****7.5.5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

- Phải thu các nghiệp vụ phát sinh trước năm 2009

**Cộng***Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi***7.5.7. Phải thu khác**


- Phải thu khách hàng

- Trả trước người bán

- Phải thu khác

**Cộng***Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi*

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	111.028.264	0
<b>Cộng</b>	<b>111.028.264</b>	<b>0</b>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	0	0
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	3.016.004.992	83.876.935
<b>Cộng</b>	<b>3.016.004.992</b>	<b>83.876.935</b>
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	4.070.743.631	4.070.743.631
<b>Cộng</b>	<b>4.070.743.631</b>	<b>4.070.743.631</b>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	4.070.743.619	4.070.743.619
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	102.162.725	4.011.611.981
	12.066.469.660	11.415.211.559
	301.923.927	5.009.266.467
<b>Cộng</b>	<b>12.470.556.312</b>	<b>20.436.090.007</b>
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	102.121.500	102.121.500






**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

<b>A.7.9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
7.9.1. Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán		108.000.000	774.956	
<b>Cộng</b>		<b>108.000.000</b>	<b>774.956</b>	
<b>A.7.10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
- Phải trả hộ cổ từ, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư		25.143.095	114.156.405	
<b>Cộng</b>		<b>25.143.095</b>	<b>114.156.405</b>	
<b>A.7.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
- Thuế Giá trị gia tăng		(26.217.450)	203.210.163	
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		17.515.412	17.515.412	
- Thuế Thu nhập cá nhân		31.874.966	25.488.112	
<b>Cộng</b>		<b>23.172.928</b>	<b>246.213.687</b>	
<b>A.7.13. Chi phí phải trả</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
- Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài		93.584.160	320.775.345	
<b>Cộng</b>		<b>93.584.160</b>	<b>320.775.345</b>	
<b>A.7.15. Phải trả người bán</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4		73.419.140	132.449.456	
- Công ty CP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu		0	60.740.630	
- Các đối tượng khác		221.948.152	283.631.816	
<b>Cộng</b>		<b>295.367.292</b>	<b>476.821.902</b>	
<b>A.7.16. Phải trả, phải nộp khác</b>		<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>	
- Tài sản thừa chờ xử lý		378.850.234	378.850.234	
- Các khoản khác		1.815.077.046	1.592.798.682	
<b>Cộng</b>		<b>2.193.927.280</b>	<b>1.971.648.916</b>	
<b>A.7.18. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình</b>				
<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Tại ngày 01/01/2016	459.910.106	4.603.352.648	441.666.190	5.504.928.944
Tại ngày 30/06/2016	459.910.106	4.603.352.648	441.666.190	5.504.928.944
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	372.717.656	2.324.826.275	394.318.700	3.091.862.631
- Khấu hao trong kỳ	1.926.338	131.278.396	14.413.313	147.618.048
Tại ngày 30/06/2016	374.643.995	2.456.104.671	408.732.013	3.239.480.679
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>				
Tại ngày 01/01/2016	87.192.450	2.278.526.373	47.347.490	2.413.066.313
Tại ngày 30/06/2016	85.266.111	2.147.247.977	32.934.177	2.265.448.265



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***A.7.19. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Tại ngày 01/01/2016	23.986.576.214	23.986.576.214
- Mua trong năm	3.200.000.000	3.200.000.000
Tại ngày 30/06/2016	27.186.576.214	27.186.576.214
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2016	6.369.922.366	6.369.922.366
- Khấu hao trong kỳ	700.124.904	700.124.904
Tại ngày 30/06/2016	7.070.047.270	7.070.047.270
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>		
Tại ngày 01/01/2016	17.616.653.848	17.616.653.848
Tại ngày 30/06/2016	20.116.528.944	20.116.528.944

**A.7.21. Chi phí trả trước****7.21.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
7.21.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	404.207.404	18.959.755
- Phí QLTV và phí định kỳ hàng năm PB cho hoạt động MG	168.999.998	0
- Phí thiết bị đầu cuối phân bổ cho hoạt động môi giới	91.999.996	0
- Lương và các khoản phúc lợi	42.000.000	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.207.410	18.959.755
7.21.2. Chi phí trả trước dài hạn	608.511.232	612.683.766
- Chi phí vật tư, văn phòng phẩm	2.181.804	2.999.988
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	63.905.167	65.396.245
- Chi phí sản xuất dinh doanh dở dang	391.266.491	249.515.141
- Chi phí khác	151.157.770	294.772.392
<b>Cộng</b>	<b>1.012.718.636</b>	<b>631.643.521</b>

**A.7.22. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	824.346.801	824.346.801
- Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	0	0
<b>Cộng</b>	<b>944.346.801</b>	<b>944.346.801</b>

**A.7.24. Lợi nhuận chưa phân phối**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	70.947.548	43.077.103
- Lợi nhuận chưa thực hiện	0	0
<b>Cộng</b>	<b>70.947.548</b>	<b>43.077.103</b>

**A.7.27. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.866.230.000	8.120.230.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	20.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.886.230.000</b>	<b>8.130.230.000</b>

*Handwritten signatures and initials in blue and red ink.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
<b>A.7.31. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK</b>		
- Cổ phiếu Công ty CP XNK Điện tử Việt	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>3.600.000.000</b>
<b>A.7.34. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư</b>		
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.494.517	12.762.038
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	156.620	43.457
<b>Cộng</b>	<b>11.651.137</b>	<b>12.805.495</b>
<b>A.7.36. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu niêm yết	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	149.060	16.380
<b>Cộng</b>	<b>149.060</b>	<b>16.380</b>
<b>A.7.39. Tiền gửi của Nhà đầu tư</b>		
	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.083.044.292	6.909.898.664
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.626.564.402	6.706.846.154
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	456.479.890	203.052.510
2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	12.305.473	1.811.673
2.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	12.305.473	1.811.673
2.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	0	0
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.549.253	1.540.800
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	20.284.311	20.177.356
4.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	18.277.893	18.179.089
4.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	2.006.418	1.998.267
<b>Cộng</b>	<b>8.117.183.329</b>	<b>6.933.428.493</b>
<b>A.7.40. Tiền gửi của Tổ chức phát hành</b>		
- Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	<i>Tại 30/06/2016</i>	<i>Tại 01/01/2016</i>
	0	444.675.771
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>444.675.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**

<b>A.7.41. Phải trả Nhà đầu tư</b>	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.049.471.074	6.787.927.233
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	7.819.831.011	6.406.477.215
1.2. Của Nhà đầu tư trong nước	229.640.063	381.450.018
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	11.060.769	566.969
2.1. Của Nhà đầu tư trong nước	11.060.769	566.969
<b>Cộng</b>	<b>8.060.531.843</b>	<b>6.788.494.202</b>



✓  
T.M.T  
L.T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN**

Đơn vị tính: VND

**B.7.45. Thu nhập****7.45.5. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

Các loại doanh thu khác	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</b>		
- Doanh thu ban đầu	157.602.877	220.671.256
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	157.602.877	220.671.256
<b>3. Doanh thu tư vấn</b>		
- Doanh thu ban đầu	0	4.699.537.500
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	0	4.699.537.500
<b>6. Thu nhập hoạt động khác</b>		
- Doanh thu ban đầu	18.656.214	674.453
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	18.656.214	674.453
<b>Cộng</b>	<b>176.259.091</b>	<b>4.920.883.209</b>

**B.7.46. Doanh thu hoạt động tài chính**

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
4. Doanh thu lãi tiền gửi	580.292.870	466.525.875
<b>Cộng</b>	<b>580.292.870</b>	<b>466.525.875</b>

**B.7.47. Chi phí hoạt động**

Các loại chi phí hoạt động	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
- Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	122.397.489	63.672.845
+ Lỗ bán các tài sản tài chính	122.397.489	63.672.845
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	630.306.972	104.621.211
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.295.600	0
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	33.841.923	39.433.881
- Chi phí dịch vụ khác	(1.742.821.988)	5.238.766.060
<b>Cộng</b>	<b>(952.980.004)</b>	<b>5.446.493.997</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***B.7.50. Chi phí quản lý CTCK**

Loại chi phí quản lý CTCK	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.218.531.597	38.586.710
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	79.094.400	4.378.440
- Chi phí văn phòng phẩm	2.185.457	15.362.627
- Chi phí công cụ, dụng cụ	54.766.790	3.700.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	847.742.952	238.669.718
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	99.055.881	74.528.141
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.213.513	751.160.446
- Chi phí khác	9.927.233	129.767.786
<b>Cộng</b>	<b>3.524.517.823</b>	<b>1.256.153.868</b>

**B.7.51. Thu nhập khác**

Chi tiết thu nhập khác	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
- Nhượng bán, thanh lý tài sản	0	6.172.727
- Các khoản khác	15.577.215	14.935.486
<b>Cộng</b>	<b>15.577.215</b>	<b>21.108.213</b>

**B.7.52. Chi phí khác**

Chi tiết chi phí khác	Từ 01/01 – 30/06	
	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt vi phạm hành chính		30.000.000
- Các khoản khác	3.321.007	2.157.177
<b>Cộng</b>	<b>3.321.007</b>	<b>32.157.177</b>

**C.7.53. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****D.7.54. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0****E.7.55. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****G.7.56. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****56.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:****56.2. Thông tin về các bên liên quan****56.3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên các báo cáo: Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

**56.4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

*Woori*  
*MS*

**H.7.57. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CTCK**

**57.1. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động CTCK**

*Chỉ số vốn khả dụng của tỷ lệ vốn hoạt động ròng (NCR) (Net operating Capital Ratio)*

Chỉ số vốn khả dụng của NCR là tỷ lệ đánh giá tình hình tài chính của CTCK.

$$\text{Tỷ lệ vốn hoạt động ròng (\%)} = \frac{60.030.909.387}{30.694.352.225} \times 100\% = 198,83\%$$

**Người lập**

**NGUYỄN THỊ THU**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Tổng Giám đốc**



**VŨ ĐỨC NGHĨA**